

Bản án số: 40/2021/DS-PT  
Ngày: 11-5-2021  
V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Tổ Hương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Nghi, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLPT-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST, ngày 18-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:*

+ Ông Đinh Ngọc L2, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: khóm B, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà Trần Thị Thúy N, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn:* Luật sư Trần Hùng D, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lâm Hoàng D, sinh năm 1977 (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông D:* Bà Đoàn Thị L – là nguyên đơn trong vụ án (theo giấy ủy quyền ngày 16-4-2021, bà L có mặt).

+ Ông Sử Văn N, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

+ Ông Lữ Quốc C, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* Các bị đơn ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Theo đơn khởi kiện ngày 07/10/2020 của nguyên đơn bà Đoàn Thị L cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:*

Vào ngày 21/12/2019 âm lịch (nhằm ngày 15/01/2020 dương lịch), bà Đoàn Thị L cho ông Đinh Ngọc L2 và vợ là bà Trần Thị Thúy N vay số tiền là 20.000.000đồng để tiêu dùng trong gia đình, ông L2 hứa trả lãi hàng tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, khi vay ông L2 có làm biên nhận. Sau khi vay, ông L2 và bà N không trả tiền lãi theo thỏa thuận mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu ông L2, bà N thực hiện việc trả lãi. Nay bà L yêu cầu buộc ông L2 và bà N cùng liên đới trả cho bà số tiền vốn gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, thời gian tính tiền lãi kể từ ngày 15/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà L không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của ông L2.

- *Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cùng đơn phản tố ngày 29/10/2020 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của bị đơn ông Đinh Ngọc L2:*

Ông L2 thừa nhận có vay của ông Lâm Hoàng D (chồng của bà L) số tiền vốn là 20.000.000đồng, số tiền vay cụ thể là 04 lần như trong Tờ tường trình đã nêu gồm: Tháng 12/2018 vay 5.000.000đồng; Tháng 02/2019 vay 5.000.000đồng; Tháng 6/2019 vay 5.000.000đồng và tháng 12/2019 vay 5.000.000đồng, với mức lãi suất là 8%/tháng, trả lãi hàng tháng. Đến ngày 21/12/2019 âm lịch hai bên đối chiếu nợ, ông D có viết giấy biên nhận nợ, nhưng ghi trong giấy biên nhận là vay của bà L vợ của ông D. Trong quá trình vay ông L2 đã đóng tiền lãi cho ông D tổng cộng là 20.400.000đồng (chỉ đưa cho ông D, không có làm giấy tờ gì), có lần ông đưa trực tiếp cho ông D, có lần ông gửi cho ông N1 ở kế cận nhà của ông L2 và gửi ông C ở cùng ấp để trả tiền cho ông D. Nay ông đồng ý trả số tiền nợ gốc 20.000.000đồng và tiền lãi suất đến tháng 6/2020 với mức lãi suất 2%/tháng, thành tiền là: 5.100.000đồng. Nhưng yêu cầu khấu trừ vào số tiền lãi ông đã trả là 20.400.000đồng, như vậy còn thừa lại 15.300.000đồng và yêu cầu khấu trừ vào số tiền nợ gốc 20.000.000đồng, nên ông chỉ đồng ý trả cho ông D số tiền nợ còn lại là

4.700.000đồng. Phần của vợ ông là bà Trần Thị Thúy N sẽ tự có ý kiến vì ông đã nhận thay và giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà N.

- *Bị đơn bà Trần Thị Thúy N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và không có văn bản nêu ý kiến.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Hoàng D đã có lời khai như sau:* Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L là vợ của ông, ông đồng ý để vợ của ông đứng đơn khởi kiện vì đây là tiền chung của vợ chồng ông. Do vợ ông trực tiếp thỏa thuận với ông L2. Ông không thừa nhận việc ông L2 giao trả tiền cho ông và không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông L2.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lữ Quốc C trình bày:* Ông thừa nhận ông L2 có đưa tiền cho ông ba lần là 3.900.000đồng để nhờ ông trả cho ông D, ông có đưa số tiền này trả cho ông D, nay ông D không thừa nhận, ông C không có giấy tờ gì chứng minh, nên ông C đồng ý sẽ trả lại số tiền này cho ông L2, ông C và ông L2 sẽ tự thỏa thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sừ Văn N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.*

\* Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST, ngày 18-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 và 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị L.

Buộc ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị L tổng số tiền là 24.031.718 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi một nghìn bảy trăm mười tám đồng), trong đó tiền vốn gốc là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất là 4.031.718đồng (bốn triệu không trăm ba mươi một nghìn bảy trăm mười tám đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đinh Ngọc L2 về việc yêu cầu khấu trừ số tiền ông đã trả là 15.300.000đồng (mười năm triệu ba trăm nghìn đồng) vào phần vốn gốc.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Đoàn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N cùng liên đới trả cho bà Đoàn Thị L tiền lãi theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N phải liên đới chịu tổng cộng là 1.966.586đồng (một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đinh Ngọc L2 đã nộp là 382.500đồng (ba trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0006738 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N phải liên đới nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 1.584.086đồng (một triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn không trăm tám mươi sáu đồng).

- Bà Đoàn Thị L không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006632 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01-02-2021 bị đơn ông Đinh Ngọc L2 kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố của ông.

Ngày 01-02-2021 bị đơn bà Trần Thị Thúy N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không buộc bà có trách nhiệm liên đới với ông L2 để trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; các bị đơn giữ nguyên nội dung đơn phản tố và nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N, sửa bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Đối với những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích đơn kháng cáo của các bị đơn, sau cùng vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, áp dụng Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST, ngày 18-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị đơn ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N làm trong thời hạn, về hình thức và nội dung đơn kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên kháng cáo của các bị đơn được xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Đoàn Thị L khởi kiện yêu cầu buộc ông Đinh Ngọc L2 và vợ là bà Trần Thị Thúy N liên đới trả cho bà số tiền nợ vay theo giấy biên nhận nợ ghi ngày 21-12-2019 âm lịch (nhằm ngày 15/01/2020 dương lịch) số tiền vốn gốc là 20.000.000đồng và tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định pháp luật, thời gian tính tiền lãi kể từ ngày 15/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2.2] Bị đơn ông L2 thừa nhận có vay tiền, nhưng vay của ông D là chồng của bà L tổng cộng là 20.000.000đồng, số tiền nợ vay cụ thể như sau: Tháng 12/2018 vay 5.000.000đồng; Tháng 02/2019 vay 5.000.000đồng; Tháng 6/2019 vay 5.000.000đồng và tháng 12/2019 vay 5.000.000đồng, mức lãi suất là 8%/tháng, trả tiền lãi hàng tháng và đã trả đến tháng 6/2020. Đến ngày 21/12/2019 âm lịch hai bên đối chiếu nợ, ông D là chồng của bà L viết giấy biên nhận nợ kêu ông ký tên ghi ông vay của bà L 20.000.000đồng, nay ông yêu cầu khấu trừ số tiền lãi mà ông đã trả vượt mức quy định để trừ vào số tiền vốn vay thì ông chỉ còn nợ số tiền vốn là 4.700.000đồng.

[2.3] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị Thúy N yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không buộc bà có trách nhiệm liên đới với ông L2 để trả nợ, vì việc ông L2 ghi nợ bà L thì bà không hề hay biết, giấy biên nhận nợ bà không có ký tên.

[2.4] Qua lời trình bày nêu trên của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy, bị đơn ông L2 thừa nhận có nợ vay số tiền vốn gốc là 20.000.000đồng, tuy nhiên ông L2 cho rằng số tiền nợ vay này là vay của ông D là chồng của bà L và số tiền nhận vay vào bốn lần khác nhau, mỗi lần 5.000.000đồng, mức lãi suất 8%/tháng, ông đã trả tiền lãi đến tháng 6/2020 tổng cộng là 20.400.000đồng, nhưng lời trình bày này của ông L2 không được phía nguyên đơn bà L thừa nhận.

[2.5] Đối với số tiền ông L2 cho rằng đã đưa cho ông C là 3.900.000đồng và đưa cho ông N1 3.000.000đồng để nhờ trả cho ông D, nhưng ông D không thừa nhận, ông C, ông N1 không đưa ra được giấy tờ gì chứng minh đã đưa số tiền này cho ông D, nên không có căn cứ để cho rằng ông L2 đã trả tiền lãi cho ông D như nội dung đơn phản tố của ông L2.

[2.6] Bản án sơ thẩm căn cứ vào tờ giấy biên nhận nợ ghi ngày 21-12-2019 âm lịch có chữ ký của ông L2 và số tiền nợ vay ghi trong giấy biên nhận nợ tiền vay của bà L có ghi mục đích vay là tiêu dùng trong gia đình, nên bản án sơ

thẩm buộc ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị L tổng số tiền 24.031.718 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi một nghìn bảy trăm mười tám đồng) trong đó tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), tiền lãi suất là 4.031.718 đồng (bốn triệu không trăm ba mươi một nghìn bảy trăm mười tám đồng) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2.7] Tại phiên tòa sơ thẩm ông L2 thừa nhận bà N biết việc ông vay tiền của bà L để chi tiêu trong gia đình và ông L2 cũng thừa nhận ông nhận các văn bản tố tụng ông đều có cho bà N biết, như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, v.v... Do vậy, Bản án sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bà N cùng liên đới với ông L2 có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị L tổng số tiền nợ vay gồm tiền vốn và tiền lãi tổng cộng 24.031.718 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.8] Với những phân tích nêu tại các mục [2.4], [2.5], [2.6], [2.7] như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[3] Với những phân tích nêu trên, nhận thấy người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bị đơn yêu cầu chấp nhận kháng cáo của các bị đơn là không có cơ sở, nên yêu cầu này không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ phù hợp với qui định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST, ngày 18-01-2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 và 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị L.

Buộc ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị L tổng số tiền là 24.031.718 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm ba mươi một nghìn bảy trăm mười tám đồng), trong đó tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất là 4.031.718 đồng (bốn triệu không trăm ba mươi một nghìn bảy trăm mười tám đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đinh Ngọc L2 về việc yêu cầu khấu trừ số tiền ông đã trả là 15.300.000 đồng (mười năm triệu ba trăm nghìn đồng) vào phần vốn gốc.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Đoàn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N cùng liên đới trả cho bà Đoàn Thị L tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N phải liên đới chịu tổng cộng là 1.966.586 đồng (một triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi sáu đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đinh Ngọc L2 đã nộp là 382.500 đồng (ba trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0006738 ngày 29/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N phải liên đới nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm tổng cộng là 1.584.086 đồng (một triệu năm trăm tám mươi bốn nghìn không trăm tám mươi sáu đồng).

- Bà Đoàn Thị L không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006632 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N mỗi người phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Đinh Ngọc L2 và bà Trần Thị Thúy N mỗi người đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai thu tiền số 0008838, 0008839 ngày 22-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trương Tố Hương**